

**TÒA PHÚC THẨM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2026/HS-PT

Ngày: 15-01-2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA PHÚC THẨM TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Nguyễn Tấn Long

Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Đặng Kim Nhân

- Thư ký phiên tòa: bà Nguyễn Thị Thúy Kiều, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông Quách Đức Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2026, tại Trụ sở Toà phúc thẩm Tòa án nhân dân tối cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 276/2025/TLPT-HS ngày 11 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo Trần Văn N về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Bị cáo có kháng cáo:

Trần Văn N, tên gọi khác: không; sinh ngày 09/3/1989 tại Gia Lai; nơi cư trú: A H, thị trấn B, xã K, tỉnh Đắk Lắk (nay là xã K, tỉnh Đắk Lắk); nghề nghiệp: lái xe; trình độ học vấn: 10/12; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; con ông Trần Văn L (*đã chết*) và bà Nguyễn Thị G (sinh năm 1969), gia đình có 02 anh, em; bị cáo là con thứ hai; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/8/2025 cho đến nay; có mặt.

- Người bào chữa cho bị cáo Trần Văn N theo yêu cầu: Luật sư Nguyễn Văn P - Công ty L1, thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ; địa chỉ: F Y, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

- Bị hại: ông Lê Nguyễn Bảo Q, địa chỉ: 3 N, phường H, thành phố Đà Nẵng. Người đại diện theo uỷ quyền có bà Trần Thị D, địa chỉ: D N, phường H, thành phố Đà Nẵng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Theo Bản án sơ thẩm, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào đầu năm 2017, anh Lê Nguyễn Bảo Q (sinh năm: 1990; trú: 3 N, thành phố H, tỉnh Quảng Nam) có nhu cầu đầu tư bất động sản, thông qua bạn bè giới thiệu, anh Q quen biết Võ M làm nghề môi giới bất động sản. Khoảng giữa tháng 12/2018, M tư vấn cho anh Q bán thành công thửa đất khu B2-58 thửa số 47, khu N với giá 2.900.000.000 đồng. Sau khi anh Q bán được thửa đất trên, M nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền đó của anh Q nên M đã chủ động nói với anh Q tiếp tục đầu tư đất để bán kiếm lời, tin tưởng M, anh Q đồng ý. Thông qua môi giới bất động sản nên M biết thông tin của thửa đất tại địa chỉ Lô A khu B mở rộng KĐT biệt thự sinh thái, công viên văn hóa L và quần thể du lịch sông nước phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng nên M giới thiệu cho anh Q. Ngày 10/01/2019, M hẹn vợ chồng anh Lê Nguyễn Bảo Q và chị Phan Thị Xuân T (sinh năm: 1992) đến văn phòng của Công ty TNHH B tại Tầng A, tòa nhà A B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng để làm hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 27031/2018/HĐĐC-SLR-VCCND đối với thửa đất trên với giá trị là 2.290.000.000 đồng, M nói dối với vợ chồng anh Q là thửa đất cần bán của hai vợ chồng sống tại miền T, do ở xa nên muốn bán. Hồ sơ giấy tờ của thửa đất thì M đã chuẩn bị làm sẵn.

Tại văn phòng Công ty B, M lấy lý do tại Tầng 11 đông người nên đề nghị vợ chồng anh Q lên Tầng 12 để uống cà phê và giới thiệu cho vợ chồng anh Q gặp người bán đất. Trước đó M đã gặp và nhờ Trần Văn N (sinh năm: 1989; trú : 112 H, thị trấn B, huyện K, tỉnh Đắk Lắk) bán giúp M thửa đất trên, M nói dối với N là thửa đất là của M, giờ bán cho người quen với giá cao nên Minh N1 và nhờ N đứng ra bán giúp. N không xem cũng không hỏi M về giấy tờ liên quan, nhưng vì chỗ quen biết tin lời của M là thật nên N đã đồng ý giúp và đến Công ty TNHH B tại Tầng A, tòa nhà A B, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng để bán dùm đất cho M. M dặn N nếu người mua đất hỏi thì cứ nói là thửa đất của hai vợ chồng miền T1 ở xa nên muốn bán.

Sau khi vợ chồng anh Q đồng ý mua thửa đất trên thì M đưa hồ sơ giấy tờ đất (do M tự đánh máy làm giả) cho vợ chồng anh Q ký tên vào Hợp đồng đặt cọc rồi M nói vợ chồng anh Q và N xuống Tầng A để giao tiền với số tiền 2.290.000.000 đồng. Tại Tầng A, anh Q đã đưa toàn bộ số tiền trên bằng tiền mặt cho N. Sau khi nhận tiền, M bảo vợ chồng anh Q lên lại Tầng 12 để uống cà phê, ăn trưa đợi M làm thủ tục nhằm cố tình kéo dài thời gian để vợ chồng anh Q tin vào việc M đang làm thủ tục thanh toán và chờ nhận Hợp đồng đặt cọc kèm giấy Biên bản xác nhận. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, M xuống Tầng A rồi đem lên Tầng 12 cho vợ chồng anh Q giấy Biên bản xác nhận (do M tự đánh máy) thể hiện việc vợ chồng

anh Q đã thực hiện xong giao dịch và Hợp đồng đặt cọc mà anh Q đã ký trước đó. Sau đó, N gặp và đưa toàn bộ số tiền đã nhận của anh Q cho M.

Sau khi ký hợp đồng đặt cọc với anh Q, cũng trong tháng 01/2019, M thông qua mạng Internet M1 sử dụng sim rác đăng nhập vào tài khoản Zalo và liên hệ với dịch vụ làm giả giấy tờ, cung cấp thông tin lô đất để đặt làm giả 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất tại địa chỉ Lô A khu B mở rộng KĐT biệt thự sinh thái, công viên văn hóa L và quần thể du lịch sông nước phường H, quận N, thành phố Đà Nẵng đứng tên vợ chồng anh Lê Nguyễn Bảo Q và chị Phan Thị Xuân T với số tiền 8.000.000 đồng. Sau đó, M1 nhận giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả qua đường bưu điện. Sau khi có được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả Minh nhấn cho anh Q và thông báo sổ đất đã có, anh Q có thể đến nhận hoặc uỷ quyền cho người khác nhận. Do bận không đi lấy được nên anh Q đưa chứng minh nhân dân, Hợp đồng đặt cọc và biên bản xác nhận nhờ M1 đi lấy giúp. Sau đó, M1 đưa cho anh Q 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả này.

Sau khi chiếm đoạt tiền của anh Q, M1 đã sử dụng 1.800.000.000 đồng để mua thửa đất số 61, tờ bản đồ số 8, địa chỉ K N, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng của vợ chồng ông Trần H và bà Lê Thị Hoa H1 (cùng trú tại 1 đường B, phường H, quận H); mua sắm nội thất hết 200.000.000 đồng, số tiền 290.000.000 đồng còn lại M1 tiêu xài cá nhân hết. Đến ngày 10/4/2020, M1 đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Trần Mạnh C (sinh năm 1991, trú : 228 L, phường H, quận C) và bà Lê Thị T2 với số tiền 2.000.000.000 đồng. Do trước đó, M1 vay của ông C 1.500.000.000 đồng, lãi suất 0,15%/ ngày nên sau khi thỏa thuận mua ông C yêu cầu M1 trả tiền vay, lấy tiền lãi là 200.000.000 đồng, còn 300.000.000 đồng ông C trả cho M1. Đến ngày 24/12/2020, vợ chồng ông C đã chuyển nhượng thửa đất trên cho vợ chồng ông Lưu Văn H2 (Sinh năm: 1986, trú: K N, phường H, quận H) và bà Lê Kim Ngọc Á với số tiền 2.030.000.000 đồng. Ngày 25/6/2024, vợ chồng ông H2 đã chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông Phan Tấn H3 (Sinh năm 1987; trú: K T, phường H, quận H) và bà Đinh Thị Ngọc H4 với số tiền 2.230.000.000 đồng.

Ngày 19/9/2023, vợ chồng anh Lê Nguyễn Bảo Q mang giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả nêu trên đến Văn phòng C1, số B đường P, xã H, huyện H, thành phố Đà Nẵng để làm thủ tục vay vốn thì Công chứng viên phát hiện nghi là giả, nên anh Q đã đến Công an huyện H tố cáo Võ Minh V hành vi “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức”, và làm đơn tố cáo Võ Minh V hành vi “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Đ.

Tại Bản kết luận giám định số: 966/KL-KTHS ngày 10/11/2023 của Phòng K Công an thành phố Đ kết luận: Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu

nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên vợ chồng anh Lê Nguyễn Bảo Q và bà Phan Thị Xuân T số CM 703036 mang tên Công ty Cổ phần Địa cầu cấp ngày 12/01/2019 (ký hiệu A) là giả.

Với nội dung nêu trên, tại bản Cáo trạng số 54/CT-VKS-P2 ngày 11/3/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Võ Minh về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo điểm b khoản 3 Điều 341 Bộ luật Hình sự.

* Ngày 14/4/2025, Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung số 13/2025/HSST-QĐ đề nghị: Điều tra làm rõ vai trò, hành vi của ông Trần Văn N có dấu hiệu đồng phạm với vai trò giúp sức cho bị cáo Võ Minh T3 việc lừa đảo chiếm đoạt tài sản đối với vợ chồng ông Lê Nguyễn Bảo Q hay không?

* Ngày 07/5/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản số 401/VKS-P2, giữ nguyên quan điểm cũng như nội dung đã truy tố tại Bản cáo trạng số 54/CT-VKS-P2 ngày 11/3/2025.

* Ngày 12/6/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có văn bản gửi cho Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng về việc rút hồ sơ để điều tra bổ sung, tránh bỏ lọt tội phạm.

* Ngày 30/6/2025, Toà án nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 23/2025/HSST – QĐ theo đề nghị của Viện kiểm sát.

* Ngày 07/7/2025, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng có quyết định trả hồ sơ điều tra bổ sung số 01/QĐ-VKS-P2 đề nghị: (1) Làm rõ ý thức chủ quan của Trần Văn N có biết Võ M lừa đảo chiếm đoạt tài sản của Lê Nguyễn Bảo Q không? Cụ thể đất không phải của N tại sao Nam lại đứng ra nhận bán giúp cho M? (2) Tiến hành lấy lời khai của bị hại để làm rõ khi tiến hành giao dịch thì Trần Văn N có nói đất đó có phải của N hay không hay là đất của người khác? N có đưa ra giấy tờ gì chứng minh là đất thuộc quyền sở hữu của N hay không? (3) Làm rõ hơn về việc N có hưởng lợi gì từ việc này?

* Ngày 10/9/2025, Viện kiểm sát đã ban hành Cáo trạng số 61/CT-VKS-P2 và thông báo về việc truy tố số 61/TB-VKS-P2 đã truy tố bị cáo Võ M về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 của Bộ luật Hình sự và tội “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức; Sử dụng tài liệu giả của cơ quan, tổ chức” theo khoản 1 Điều 341 Bộ luật Hình sự và bị cáo Trần Văn N về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[2] Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Tuyên bố: bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Căn cứ điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Trần Văn N 08 (T4) năm tù. Thời hạn tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 19/8/2025.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với bị cáo Võ M, về phần trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[3] Kháng cáo:

Ngày 10-10-2025, bị cáo Trần Văn N kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Trần Văn N giữ nguyên nội dung như đơn kháng cáo.

Bị cáo và người bào chữa cho bị cáo cùng trình bày ý kiến: bị cáo N khi tham gia thì chỉ nghĩ là giúp cho M bán phiếu đất, vào thời điểm này các bên mới mua bán Phiếu đất chứ chưa có Giấy chứng nhận, nên phiếu đất còn đứng tên người khác là bình thường, N không biết M có ý thức chiếm đoạt tiền, N không được hưởng tiền. Sau khi xét xử sơ thẩm đã tự nguyện nộp bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Xin được giảm nhẹ hình phạt và xem xét lại việc buộc bị cáo liên đới bồi thường cho bị hại.

Đại diện Viện công tố và kiểm sát xét xử phúc thẩm tại Đà Nẵng phát biểu ý kiến: tại giai đoạn phúc thẩm, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đầy đủ các thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Về kháng cáo của bị cáo thì đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng và Toà án cấp sơ thẩm trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi phạm tội:

Ngày 10/01/2019, tại phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng, do cần tiền để trả nợ và tiêu xài cá nhân nên Võ Minh nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của vợ chồng ông Lê Nguyễn Bảo Q và bà Phan Xuân T, M đã đưa ra thông tin gian dối là có thửa đất tại địa chỉ Lô A B mở rộng KĐT biệt thự sinh thái, công viên văn hóa L và quần thể du lịch sông nước phường H, quận N (Nay là phường N, thành phố Đà Nẵng) chuyển nhượng với giá là 2.290.000.000 đồng, giới thiệu cho vợ chồng ông Q mua. Để chuyển nhượng thửa đất trên cho ông Q, bị cáo M đã nhờ Trần Văn N đóng giả chủ đất, đưa ra thông tin gian dối về việc hai vợ chồng miền T ở xa nên muốn bán lô đất trên nhằm lấy lòng tin của vợ chồng ông Q, vì tin tưởng nên vợ chồng ông Q đồng ý mua. N đã ký thủ tục chuyển nhượng thửa đất cho vợ chồng ông Q (Giấy chuyển nhượng quyền sử dụng đất do Võ Minh chuẩn bị trước) và nhận số tiền 2.290.000.000 đồng, rồi N đưa cho M số tiền trên, M đã chiếm đoạt sử dụng vào mục đích tiêu xài cá nhân.

Như vậy, bị cáo Trần Văn N đã có hành vi giúp sức trong việc đóng giả làm chủ đất để ký vào hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất nhằm giúp M chiếm đoạt số tiền 2.290.000.000 đồng, đưa ra thông tin gian dối về việc có vợ chồng ở miền T làm ăn xa cần bán thửa đất trên; số tiền chiếm đoạt bị cáo N đưa lại cho M và không hưởng lợi gì. Bị cáo Võ M đã bị Toà án cấp sơ thẩm tuyên phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự; và bị cáo Trần Văn N phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a khoản 4 Điều 174 Bộ luật Hình sự.

[3] Xem xét kháng cáo:

Bị cáo Trần Văn N đã có hành vi giúp sức cho bị cáo M chiếm đoạt tài sản của bị hại là vợ chồng ông Lê Nguyễn Bảo Q số tiền 2.290.000.000 đồng.

Bị cáo N có nhân thân tốt, chưa từng có tiền án, tiền sự, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên toà đều có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là lao động chính trong gia đình, cha đã mất một mình chăm sóc mẹ già. Trong vụ án này bị cáo là đồng phạm, có vai trò giúp sức; do đó Toà án cấp sơ thẩm áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự để xem xét lượng hình là có căn cứ.

Tại giai đoạn phúc thẩm, bị cáo có cung cấp thêm tình tiết giảm nhẹ mới là bồi thường cho bị hại số tiền 30.000.000 đồng và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt, đây là các tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Đối với trách nhiệm dân sự: tại giai đoạn sơ thẩm ông Lê Nguyễn Bảo Q yêu cầu bị cáo Võ M và Trần Văn N tiếp tục bồi thường số tiền còn lại là 2.240.000.000 đồng. Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng Điều 46 Bộ luật Hình sự, Điều 584 Bộ luật Dân sự, buộc bị cáo M và bị cáo N phải tiếp tục liên đới chịu trách nhiệm bồi thường; chia phần trách nhiệm bị cáo M phải chịu là 80%, bị cáo N phải chịu 20%; số tiền bị cáo M phải bồi thường cho bị hại là 1.792.000.000 đồng (Một tỷ bảy trăm chín mươi hai triệu đồng) và số tiền bị cáo N phải bồi thường là 448.000.000 đồng (Bốn trăm bốn mươi tám triệu đồng). Do bị cáo N không có kháng cáo về trách nhiệm dân sự; tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo bổ sung đề nghị xem xét lại, tuy nhiên do phiên tòa không có bị cáo M nên không thể giải quyết đề nghị bổ sung này được. Hội đồng xét xử phúc thẩm thẩm xét thấy cần ưu tiên cho việc khắc phục hậu quả cho bị hại, trong khi bị cáo M phải chấp hành hình phạt tù rất dài, cho nên không chấp nhận xem xét yêu cầu này của bị cáo N. Trường hợp có cơ sở thì bị cáo N có thể khởi kiện Võ Minh một vụ án dân sự để giải quyết.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị nên Hội đồng xét xử không xem xét; việc thi hành án được thực hiện theo quyết định của bản án hình sự sơ thẩm.

Số tiền 30.000.000 đồng bị cáo N bồi thường cho bị hại được khấu trừ vào nghĩa vụ thi hành án dân sự bản án sơ thẩm của bị cáo N. Số tiền 200.000 đồng bị cáo nộp tạm thu án phí hình sự sơ thẩm được khấu trừ khi thi hành án phí sơ thẩm.

Về án phí hình sự phúc thẩm bị cáo N không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn N, sửa một phần Bản án hình sự sơ thẩm số 188/2025/HS-ST ngày 29-9-2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng, về phần hình phạt đối với bị cáo Trần Văn N.

2. Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 174; điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 2 Điều 54, Điều 58 và Điều 38 Bộ luật Hình sự; Xử phạt Trần Văn N 06 (sáu) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”; thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 19/8/2025.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao - Vụ GDKT I;
- Viện công tố và KSXX PT tại Đà Nẵng;
- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Thi hành án dân sự Tp Đà Nẵng;
- Cơ quan CSĐT, Phòng tham mưu-CA thành phố Đà Nẵng;
- Cục THAHS và HTTP CA Tp Đà Nẵng;
- Trại tạm giam số 1 công an Tp Đà Nẵng;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: HSVA; LT; phòng HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tấn Long